| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ T**<br>**TỈNH T** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập -Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 06/2023/QĐST-HNGĐ | *TP. T, ngày 31 tháng 10 năm 2023.* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 30/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

1. Anh Lê Hữu Đ, sinh năm 1990;

2. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: 08 Kim Quy, phường C, thành phố T, tỉnh T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Đ và chị V kết hôn với nhau vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố T, tỉnh T. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian đến tháng 01/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh chị đều thống nhất cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, tính cách trái ngược nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra va chạm. Vợ chồng đã cố gắng để hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Nay anh Đ và chị V đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Đ và chị V thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, sự thỏa thuận của anh chị về việc thuận tình ly hôn là có căn cứ nên công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Về con chung: Anh Đ và chị V có một con chung là cháu Lê Hữu V1, sinh ngày: 20/11/2020. Ly hôn, anh chị thỏa thuận thống nhất giao cháu V1 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 11 năm 2023 cho đến khi cháu V1 thành niên. Xét thấy việc thỏa thuận của anh, chị về người trực tiếp nuôi con

và cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận của anh, chị.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Anh Đ và chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí: Anh Đ và chị V thỏa thuận anh Đ chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm, xét đây là sự tự nguyện của anh chị nên chấp nhận.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Hữu Đ và chị Nguyễn Thị V.

- Về con chung: Anh Đ và chị V có một con chung là cháu Lê Hữu V1, sinh ngày: 20/11/2020. Ly hôn, giao cháu V1 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng chẵn). Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 11 năm 2023 cho đến khi cháu V1 đủ tuổi thành niên.

Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Đ chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2022/0002796 ngày 16/10/2023, anh Đ đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND TP.T;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TP.T;
- UBND P.C, TP. T;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Thị Linh**